

Số: 220/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 10 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án Nhà nước
thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án
đầu tư năm 2020 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND
tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1296/BC-KTNS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Ban
Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án nhà nước thu
hồi đất để thực hiện đầu tư năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt 3).

1. Danh mục 10 dự án để thực hiện đầu tư năm 2020.

1.1. Dự án xây dựng trụ sở tổ chức chính trị - xã hội, Bia tưởng niệm, công
trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): 06
dự án, diện tích đất thu hồi 18.668 m².

1.2. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật (công trình giao thông) của địa
phương (Điểm b Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): 03 dự án, diện tích đất thu hồi
29.616 m².

1.3. Dự án xây dựng khu đô thị mới (Điểm d, Khoản 3 Điều 62 Luật Đất
đai): 01 dự án, diện tích đất thu hồi 22.452 m².

(Biểu số 01, Biểu số 02)

2. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất đối với 09 dự án đã thông qua tại các Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019; Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh (Biểu số 03).

3. Điều chỉnh thời gian, tiếp tục thực hiện 02 dự án đã thông qua tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 và Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh (Biểu số 04).

Điều 2. Cho phép bổ sung, điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực các dự án đầu tư năm 2020 (Đợt 3).

1. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 58.541 m², trong đó: Đất trồng lúa 31.707 m² (đất ruộng lúa 02 vụ 31.107 m², đất ruộng lúa 01 vụ 600 m²); Đất rừng phòng hộ 22.234 m² (đất chưa có rừng); Đất rừng đặc dụng 4.600 m² (đất chưa có rừng) để thực hiện 12 dự án tại huyện Mai Sơn, huyện Vân Hồ và thành phố Sơn La (Biểu số 05).

2. Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đối với 06 dự án đã thông qua tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2020; Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh (Biểu số 06).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ 5 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
TỔNG HỢP DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: M²

STT	Đơn vị hành chính	Số công trình	Tổng diện tích thu hồi	Phân theo các Điểm thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai					
				Điểm a		Điểm b		Điểm d	
				Số dự án	Diện tích (m ²)	Số dự án	Diện tích (m ²)	Số dự án	Diện tích (m ²)
	Toàn tỉnh	10	70.736	6	18.668	3	29.616	1	22.452
1	Thành phố Sơn La	4	58.452	1	6.400	2	29.600	1	22.452
2	Huyện Mai Sơn	5	12.268	5	12.268	-	-	-	-
3	Huyện Mộc Châu	1	16	-	-	1	16	-	-

Biểu số 02
DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: M²

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Sử dụng vào các loại đất (m²)				Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện			Năm kế hoạch thực hiện	Văn bản huyện đề nghị
			Tổng DT thực hiện dự án (m²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác còn lại <i>(không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)</i>		Số ký hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền <i>(Triệu đồng)</i>		
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất chưa có rừng							
	Tổng diện tích		70.736	9.700	12.268	48.768						
	Huyện Mộc Châu											
1	Dự án nhà chờ xe Tiểu khu 4, TT Mộc Châu	Xã Phiêng Luông	15,50			15,50	Điểm b	2383/QĐ-UBND ngày 10/9/2019	Thu tiền SD đất + nguồn vốn khác	196	Năm 2020	2516 TTr-UBND ngày 17/9/2020
	Huyện Mai Sơn											
2	Nhà văn hóa + Sân thể thao bản Búc	Xã Chiềng Sung	7.000		7.000		Điểm a	2921/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1804/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND huyện	NS tỉnh + dân đóng góp	597	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
3	Nhà văn hóa bản Tân Lập	Xã Chiềng Sung	622		622		Điểm a		NS tỉnh + dân đóng góp	543	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
4	Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hắt Lót	Xã Chiềng Sung	1.227		1.227		Điểm a		Nhà đầu tư	1.700	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
5	Bưu điện xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung	858		858		Điểm a		Nhà đầu tư	318	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Sử dụng vào các loại đất (m ²)				Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện			Năm kế hoạch thực hiện	Văn bản huyện đề nghị
			Tổng DT thực hiện dự án (m ²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)		Số ký hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)		
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất chưa có rừng							
6	Công trình Nhà bia tưởng niệm xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung	2.561		2.561		Điểm a		NS tỉnh	200	Năm 2020	395/TTr-UBND ngày 28/9/2020
	Thành phố Sơn La											
7	Khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cỏi, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cỏi	22.452	2.400		20.052	Điểm d	149/NQ-HĐND ngày 10/9/2020 của HĐND TP; 2385/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND TP	Ngân sách thành phố	22.000	Năm 2020	478/TTr-UBND ngày 08/10/2020
8	Xây dựng 02 cầu treo qua lòng hồ đi khu sản xuất điểm TĐC Ten Đôn và điểm TĐC Ten Co Cườm II thuộc dự án Hồ chứa nước bản Mòng	Xã Hua La	8.100			8.100	Điểm b	1555/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh; 1599/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh	Vốn Trái phiếu Chính phủ	2.484	Năm 2020	478/TTr-UBND ngày 08/10/2020
9	Đường giao thông từ điểm TĐC Ten Co Cườm II đến bản Púa Nhọt thuộc dự án Hồ chứa nước bản Mòng	Xã Hua La	21.500	4.600		16.900	Điểm b		Vốn Trái phiếu Chính phủ	3.607	Năm 2020	478/TTr-UBND ngày 08/10/2020
10	Điểm trường mầm non Trung Ban thuộc dự án Hồ chứa nước bản Mòng	Xã Hua La, thành phố Sơn La	6.400	2.700		3.700	Điểm a		Vốn Trái phiếu Chính phủ	1.000	Năm 2020	478/TTr-UBND ngày 08/10/2020

Biểu số 03
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT
THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: M²

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án sau điều chỉnh	Diện tích thu hồi đã được HĐND tỉnh thông qua					Diện tích điều chỉnh bổ sung	Điều chỉnh bổ sung diện tích thu hồi						Loại đất sau khi CMB	Nguồn vốn thực hiện			Năm KH thực hiện	
				Văn bản cho phép	Diện tích đã thông qua tại các Nghị quyết HĐND tỉnh	Trong đó				Trong đó				Số ký hiệu văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương	Nguồn vốn		Số tiền (Triệu đồng)				
						Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)	Đất trồng lúa							Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)
											Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất chưa có rừng	Đất chưa có rừng								
	TỔNG DIỆN TÍCH		495.854		369.489	39.257	72.000	500	257.732	126.365	40.465	600	1.500	40.098	4.100	39.602					
	Huyện Mường La																				
1	Thủy điện Chiềng Muôn	Xã Chiềng Muôn, xã Năm Păm	154.895	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	100.040	3.500	71.500		25.040	54.855				24.000		30.855	DNL	1564 QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh	Vốn góp 70%, vốn vay 30%	520.083	Năm 2020
2	Dự án xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Mường La	TT Ít Ong, xã Mường Chùm, xã Tạ Bú	22.700	198 NQ-HĐND ngày 30/6/2020	7.500	1.354			6.146	15.200	446		1.500			13.254	DNL	501 QĐ-EVNNPC ngày 13/3/2020 của tổng Cty điện MB	Tín dụng thương mại và khấu hao cơ bản	79.763	Năm 2020
3	Kè phòng chống lũ, lũ quét và sạt lở đất suối Năm Păm	TT Ít Ong	62.640	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	8.000	4.000			4.000	54.640	39.395					15.245	ĐGT	406 QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện	Nguồn dự phòng NSTU năm 2019	39.984	Năm 2020
4	Tuyến đường dây 110kV đầu nối cụm thủy điện Chế tạo vào điện lưới Quốc gia	TT Ít Ong, xã Hua Trai, xã Pi Toong	14.264	158 NQ-HĐND ngày 05/12/2019	16.795	400	500	500	15.395	-2.531	24			551	-500	-2.606	DNL	962 BCT-ĐL ngày 18/2/2019 của Bộ Công thương	Vốn vay	71.433	Năm 2020
	Huyện Thuận Châu																				
5	Kè phòng chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc suối Muội	Xã Chiềng Ly	44.966	198 NQ-HĐND ngày 30/6/2020	44.966	29.982			14.984					5.581	-5.581		Điểm b	824 QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện	Dự phòng NS TW năm 2019	25.000	Năm 2020

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án sau điều chỉnh	Diện tích thu hồi đã được HĐND tỉnh thông qua					Diện tích điều chỉnh bổ sung	Điều chỉnh bổ sung diện tích thu hồi					Loại đất sau khi CMB	Nguồn vốn thực hiện			Năm KH thực hiện		
				Văn bản cho phép	Diện tích đã thông qua tại các Nghị quyết HĐND tỉnh	Trong đó				Trong đó				Số ký hiệu văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương		Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)				
						Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)	Đất trồng lúa							Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)
											Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất chưa có rừng	Đất chưa có rừng								
	Huyện Vân Hồ																				
6	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại khu TĐC tập trung Pu Nhay	Xã Liên Hòa	98.000	131 NQ-HĐND ngày 17/7/2019	95.000				95.000	3.000		600		4.166		-1.766	ONT	798 QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh	Nguồn thu từ đất, nguồn dự phòng, các nguồn khác	34.000	Năm 2020
	Thành phố Sơn La																				
7	Dự án Khu đô thị số 1 phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh	97.000	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	97.000				97.000					5.800	4.600	-10.400	KĐT		Nhà đầu tư	274.418	Năm 2020
8	Xây dựng đường dây 35 kV cấp điện cho khu công nghiệp Mai Sơn tỉnh Sơn La	Phường Chiềng Sinh, xã Chiềng Ngần	1.031	212 NQ-HĐND ngày 31/07/2020	130				130	901	451					450	DNL		Vốn khấu hao cơ bản của điện lực	15.313	Năm 2020
	Huyện Mai Sơn																				
9	Xây dựng đường dây 35 kV cấp điện cho khu công nghiệp Mai Sơn tỉnh Sơn La	Xã Mường Bằng	358	212 NQ-HĐND ngày 31/07/2020	58	21			37	300	150					150	DNL	1364 QĐ-EVNNPC ngày 15/5/2019	Vốn khấu hao cơ bản của điện lực	15.313	Năm 2020

Biểu số 04
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT
THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m²)				Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện			Năm kế hoạch thực hiện	Văn bản đề nghị
				Tổng DT thu hồi (m²)	Đất trồng lúa		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)		Số ký hiệu văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)		
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ							
	Huyện Mai Sơn												
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020	Các xã Cò Nòi, Mường Bằng, Chiềng Nọi, Phiêng Cầm	138 NQ-HĐND ngày 10/12/2015	4.000			4.000	Điểm b	2634 QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 858 QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách trung ương ODA, vay ưu đãi, vốn đối ứng của tỉnh	842.284	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
	Huyện Phù Yên												
2	Điểm TĐC Suối Dinh 1, Suối Dinh 2	Xã Mường Bang	112 NQ-HĐND ngày 04/12/2014	2.044.900	1.300	22.200	2.021.400	Điểm c	3283 QĐ-UBND ngày 28/12/2013; 949 QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh	Đề án 1460	43.689	Năm 2020	292 TTr-UBND ngày 24/9/2020

Biểu số 05
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
THEO ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Nguồn vốn thực hiện			Năm kế hoạch thực hiện	Văn bản đề nghị của huyện
				DT chuyển MĐSD (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)		
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ								
	TỔNG DIỆN TÍCH		280.460	58.541	31.107	600	22.234	4.600	221.919					
	Huyện Vân Hồ													
1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại khu TĐC tập trung Pu Nhay	Xã Liên Hòa	98.000	4.766		600	4.166		93.234	798 QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh	Nguồn thu từ đất, nguồn dự phòng, các nguồn khác	34.000	Năm 2020	2836 TTr-UBND ngày 25/9/2020
	Huyện Mai Sơn													
2	Nhà văn hóa + Sân thể thao bản Búc	Xã Chiềng Sung	7.000	7.000			7.000			2921 QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1804 QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND huyện	NS tỉnh + dân đóng góp	597	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
3	Nhà văn hóa bản Tân Lập	Xã Chiềng Sung	622	622			622				NS tỉnh + dân đóng góp	543	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
4	Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hát Lót	Xã Chiềng Sung	1.227	1.227			1.227				Nhà đầu tư	1.700	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Nguồn vốn thực hiện			Văn bản đề nghị của huyện	
				DT chuyển MĐSD (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)		Năm kế hoạch thực hiện
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất chưa có rừng	Đất chưa có rừng						
5	Bưu điện xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung	858	858			858				Nhà đầu tư	318	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
6	Công trình Nhà bia tường niệm xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung	2.561	2.561			2.561				Ngân sách tỉnh	200	Năm 2020	395 TTr-UBND ngày 28/9/2020
	Thành phố Sơn La													
7	Khu sơ chế, bảo quản và chế biến nông sản sạch	Bản Phường, xã Chiềng Ngần	21.939	20.956	20.956				983	02/QĐ-Cty ngày 08/9/2020 của Công ty	Nhà đầu tư	30.000	Năm 2020	478 TTr-UBND ngày 08/10/2020
8	Khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	22.452	2.400	2.400				20.052	149 NQ-HĐND ngày 10/9/2020 của HĐND TP; 2385 QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND TP	Ngân sách thành phố	22.000	Năm 2020	478 TTr-UBND ngày 08/10/2020
9	Đường giao thông từ điểm TĐC Ten Co Cườm II đến bản Púa Nhọt thuộc dự án Hồ chứa nước bản Mòng	Xã Hua La	21.500	4.600	4.600				16.900	1555 QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh;	Vốn Trái phiếu Chính phủ	3.607	Năm 2020	478 TTr-UBND ngày 08/10/2020

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Nguồn vốn thực hiện			Văn bản đề nghị của huyện	
				DT chuyển MĐSD (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại <i>(không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)</i>	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền <i>(Triệu đồng)</i>		Năm kế hoạch thực hiện
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất chưa có rừng	Đất chưa có rừng						
10	Điểm trường mầm non Trung Ban thuộc dự án Hồ chứa nước bản Mòng	Xã Hua La	6.400	2.700	2.700				3.700	1599 QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh	Vốn Trái phiếu Chính phủ	1.000	Năm 2020	478 TTr-UBND ngày 08/10/2020
11	Xây dựng đường dây 35kV cấp điện cho khu công nghiệp Mai Sơn tỉnh Sơn La	Phường Chiềng Sinh, xã Chiềng Ngần	901	451	451				450	1364 QĐ-EVNNPC ngày 15/5/2019	Vốn khấu hao cơ bản của điện lực	15.313	Năm 2020	478 TTr-UBND ngày 08/10/2020
12	Dự án Khu đô thị số 1 phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh	97.000	10.400			5.800	4.600	86.600	553 QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh	Nhà đầu tư	274.418	Năm 2020	478 TTr-UBND ngày 08/10/2020

Biểu số 06
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
THEO ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích chuyển mục đích sau điều chỉnh	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua cho phép CMD					Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất					Loại đất sau khi CMD	Nguồn vốn thực hiện			Năm KH thực hiện	Văn bản UBND huyện đề nghị
				Văn bản cho phép	Diện tích cho phép tại các Nghị quyết HĐND tỉnh	Trong đó			Diện tích điều chỉnh, bổ sung	Trong đó			Số ký hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương		Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)			
						Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ					Đất rừng đặc dụng		
										Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất chưa có rừng								
	TOÀN TỈNH		182.903		111.757	39.257	72.000	500	71.146	40.014	1.500	30.132	-500						
	Huyện Mường La																		
1	Thủy điện Chiềng Muôn	Xã Chiềng Muôn, xã Nậm Pấm	99.000	109 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	75.000	3.500	71.500		24.000			24.000		DNL	1564 QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh	Vốn góp 70%, vốn vay 30%	520.083	Năm 2020	3504 TTr-UBND ngày 10/9/2020
2	Dự án xuất tuyến 110 kV sau trạm biến áp 220 kV Mường La	TT Ít Ong, xã Mường Chùm, xã Tạ Bú	3.300	198 NQ-HĐND ngày 30/6/2020	1.854	1.354			1.946	446	1.500			DNL	501 QĐ-EVNNPC ngày 13/3/2020 của tổng Cty điện MB	Tín dụng thương mại và khấu hao cơ bản	79.763	Năm 2020	3504 TTr-UBND ngày 10/9/2020

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích chuyển mục đích sau điều chỉnh	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua cho phép CMD					Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất					Loại đất sau khi CMD	Nguồn vốn thực hiện			Văn bản UBND huyện đề nghị	
				Văn bản cho phép	Diện tích cho phép tại các Nghị quyết HĐND tỉnh	Trong đó			Diện tích điều chỉnh, bổ sung	Trong đó			Số ký hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương		Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)	Năm KH thực hiện		
						Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ							Đất rừng đặc dụng
										Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất chưa có rừng								
3	Kè phòng chống lũ, lũ quét và sạt lở đất suối Nậm Păm	TT Ít Ong	43.395	109 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	4.000	4.000			4.000	39.395	39.395			ĐGT	406 QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện	Nguồn dự phòng NSTU năm 2019	39.984	Năm 2020	3504 TTr-UBND ngày 10/9/2020
4	Tuyến đường dây 110 kV đầu nối cụm thủy điện Chế tạo vào điện lưới Quốc gia	TT Ít Ong, xã Hua Trai, Pi Toong	1.475	159 NQ-HĐND ngày 05/12/2019	1.400	400	500	500	75	24		551	-500	DNL	962 BCT-ĐL ngày 18/2/2019 của Bộ Công thương	Vốn vay	71.433	Năm 2020	3504 TTr-UBND ngày 10/9/2020
	Huyện Thuận Châu		0		0														
5	Kè phòng chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc suối Muội	Xã Chiềng Ly	35.563	198 NQ-HĐND ngày 30/6/2020	29.982	29.982			5.581			5.581		DTL	824 QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện	Dự phòng NS TW năm 2019	25.000	Năm 2020	538 TTr-UBND ngày 29/9/2020
	Huyện Mai Sơn																		
6	Xây dựng đường dây 35kV cấp điện cho khu công nghiệp Mai Sơn tỉnh Sơn La	Xã Mường Bằng	171	212 NQ-HĐND ngày 31/07/2020	21	21			150	150				DNL	1364 QĐ-EVNNPC ngày 15/5/2019	Vốn khấu hao cơ bản của điện lực	15.313	Năm 2020	411 TTr-UBND ngày 08/10/2020